TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 3 năm 2019
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim O, sinh năm 1980 (Có mặt).
Trú tại: Số nhà X, xã H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.
2. Bị đơn: Anh Lê Thế T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Trú tại: Buôn E, xã Ea, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Kim O trình bày :

Chị kết hôn với anh Lê Thế T do tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 26/11/2010. Quá trình chung sống, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi chơi bài bạc, gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị O và anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nhận thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm, không còn

thương yêu nhau, nên chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thế T.

Về con chung: Chị O và anh T có 02 con chung là Lê M Đ, sinh ngày 25/10/2011 và Lê Phạm H A, sinh ngày 31/3/2016, hiện cả hai con đều đang ở với chị O.

Khi ly hôn, chị O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị O và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị O và anh T không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Lê Thế T đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 70; 71; 72; 96; 97; 195; 196; 203; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Kim O, cho chị O được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Giao các cháu Lê M Đ, sinh ngày 25/10/2011 và Lê Phạm H A, sinh ngày 31/3/2016 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị Kim O có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Thế T. Đây là quan hệ tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*". Bị đơn anh Lê Thế T cư trú tại: Buôn E, xã Ea, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Lê Thế T, nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Kim O và anh Lê Thế T đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 26/11/2010, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị O xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi chơi bài bạc, gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Sau khi kết hôn anh T, chị O chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, vợ chồng không thống nhất xây dựng kinh tế gia đình, mâu thuẫn xảy ra kéo dài, không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O, giải quyết cho chị O được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị Kim O và anh Lê Thế T có 02 con chung là Lê M Đ sinh ngày 25/10/2011 và Lê Phạm H A, sinh ngày 31/3/2016, hiện cả hai cháu đang sống với chị O. Nhận thấy, hiện nay các cháu vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên cần giao các cháu cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Kim O không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung:* Chị Phạm Thị Kim O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Chị Phạm Thị Kim O xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim O.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim O được ly hôn anh Lê Thế T.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Lê M Đ, sinh ngày 25/10/2011 và Lê Phạm H A, sinh ngày 31/3/2016 cho chị Phạm Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Kim O không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Lê Thế T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim O phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009201 ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Ea, K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên